



Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Cơ quan: Văn phòng Ủy ban
Nhân dân, Tỉnh Quảng Ninh
Ngày ký: 20-07-2026 16:32:32
3

CÔNG BÁO QUẢNG NINH/Số 28/Ngày 20-7-2026

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và
đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 về việc ban hành cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội; số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg; số 08/2021/QĐ-TTg về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định 30/2015/QĐ-TTg; số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng Chính sách; số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 87/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6585/TTr-STC ngày 16 tháng 6 năm 2026, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 228/BC-STP ngày 11 tháng 6 năm 2026 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026, thay thế Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực VI; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(đã ký)

Vũ Văn Diện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh) thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn vốn thực hiện

Theo quy định khoản 3 Điều 3, Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Đối tượng được vay vốn

Thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định khác có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng vốn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp không được tự điều chỉnh chỉ tiêu nguồn vốn cho vay chương trình tín dụng này sang cho vay chương trình tín dụng khác khi chưa được sự chấp thuận của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

2. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

3. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích. Cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Chương II **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Cơ chế tạo lập và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách ủy thác

1. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, phối hợp với các sở, ngành liên quan (cơ quan quản lý các Chương trình) và Ủy ban nhân dân các địa phương rà soát, đề xuất nhu cầu vay vốn trong năm tiếp theo gửi Sở Tài chính tổng hợp đề báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn và hàng năm.

2. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự toán kinh phí ngân sách địa phương hàng năm, Hợp đồng ủy thác và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính lập thủ tục cấp kinh phí bằng hình thức lệnh chi tiền và hạch toán chi ngân sách nhà nước (mục chi đầu tư phát triển khác) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tiếp nhận vốn để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Hợp đồng ủy thác

1. Cơ quan chuyên môn được ủy quyền ký Hợp đồng ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh; thống nhất ký Phụ lục Hợp đồng ủy thác khi có sự biến động số dư nguồn vốn ủy thác và nội dung khác (nếu có).

2. Hợp đồng ủy thác gồm những nội dung chính sau: Thông tin của bên ủy thác, thông tin bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, thời gian giao vốn ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, hiệu lực Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác có liên quan.

Điều 7. Quy định về vay vốn

1. Đối tượng cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay: Thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay, điều kiện vay vốn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo từng chính sách tín dụng và các hướng dẫn quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Quản lý và sử dụng lãi cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý sử dụng cụ thể như sau:

1. Trích lập các quỹ và phân phối tiền lãi thu được của các chương trình tín dụng thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính.

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý: Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo từng thời kỳ.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị (HĐQT) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Mức trích bằng 15% số tiền lãi thu được, cụ thể:

Trích 5% cho Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, trong đó: 2% cho Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, 3% cho Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã.

Trích 10% cho các cơ quan thường trực quản lý các đối tượng được vay vốn theo từng chương trình cho vay.

d) Phần lãi còn lại sau khi được trích lập (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay tương ứng đối với các chương trình tín dụng đang triển khai thực hiện. Đối với các chương trình tín dụng đã kết thúc giai đoạn triển khai thực hiện, phần lãi còn lại sau khi đã trích lập theo quy định trên được nhập bổ sung nguồn vốn của chương trình tín dụng hiện đang triển khai thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định nhập nguồn.

đ) Trường hợp số lãi thực thu sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, Ngân

hàng Chính sách xã hội phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, bổ sung phần còn thiếu từ ngân sách tỉnh.

2. Nội dung và mức chi

a) Đối với phí quản lý nguồn vốn ủy thác: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện các nội dung chi, mức chi, quản lý và quyết toán theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật hiện hành.

b) Đối với chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác.

Nội dung chi:

Chi tổ chức hội nghị; Chi tổ chức họp, sơ kết, tổng kết; Chi khen thưởng;

Chi công tác kiểm tra, giám sát (định kỳ hoặc đột xuất); Chi cho công tác khảo sát, điều tra và đánh giá việc ủy thác vốn ngân sách tỉnh qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chi cho công tác xử lý nợ, lập và thẩm định hồ sơ xử lý nợ rủi ro;

Chi đào tạo, chi tập huấn; Chi tổ chức đi học tập kinh nghiệm; Chi tuyên truyền; Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị; Các nội dung chi khác theo quy định.

Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Đối với chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn vay: Thực hiện theo quy định của Nhà nước, Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội và hướng dẫn của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; Nghị định 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 về quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua khen thưởng, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND tỉnh ngày 30 tháng 10 năm 2025 quy định về công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các quy định sửa đổi, bổ sung nếu có, cụ thể: Mức chi đối với cá nhân không quá 0,3 lần mức lương cơ sở; Mức chi đối với tập thể không quá 02 (hai) lần mức mức chi khen thưởng đối với cá nhân.

Thẩm quyền quyết định khen thưởng: Cấp tỉnh: Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; Cấp xã: Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã.

c) Nguyên tắc chi

Đối với kinh phí 10% cho các cơ quan thường trực quản lý các đối tượng vay vốn: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xác nhận số kinh phí được trích

lập theo từng chương trình cho vay. Căn cứ số kinh phí được hưởng các đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) xem xét quyết định.

Kết thúc niên độ ngân sách, số kinh phí (10%) chỉ cho công tác chỉ đạo, quản lý,... của cơ quan thường trực quản lý các đối tượng được vay vốn không sử dụng hết, được nhập nguồn vốn cho vay của chương trình tín dụng hiện đang triển khai thực hiện và còn tiếp tục có nhu cầu vay vốn trên cơ sở Quyết toán lãi phân phối hàng năm được phê duyệt và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Đối với kinh phí trích cho Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và cấp xã giao cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội xây dựng dự toán, quyết toán hàng năm trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, cấp xã phê duyệt. Số kinh phí được giao quản lý và sử dụng trong năm còn lại được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng.

3. Các đơn vị liên quan quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về khoản kinh phí nhận được. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng... thực hiện theo quy định.

Điều 9. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý: Áp dụng đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng dẫn đến người vay không trả được nợ. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc xử lý, biện pháp xử lý, đối tượng được xem xét xử lý nợ rủi ro, hồ sơ pháp lý, thời điểm xem xét xử lý rủi ro

Thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 về việc ban hành cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội; số 08/2021/QĐ -TTg về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay quyết định đối với việc gia hạn nợ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xem xét xử lý khoanh nợ, xóa nợ cho khách hàng bị rủi ro trên cơ sở kết quả thẩm định của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; ý kiến của các Sở, ban, ngành, cơ quan quản lý các đối tượng vay vốn của từng Chương trình tín dụng và đề nghị của Sở Tài chính.

4. Nguồn vốn xử lý rủi ro

a) Nguồn vốn để xóa nợ gốc, xóa lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập và bù đắp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của quy chế này.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ để xử lý, tùy theo tình hình thực tế của các khoản vay được xử lý xóa nợ thì Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành là cơ quan thường trực quản lý các chương trình, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh giảm trừ trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh đã chuyển qua Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc bổ sung ngân sách để xử lý.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý các khoản nợ bị rủi ro lớn hơn số Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 10. Chế độ báo cáo

Định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký Hợp đồng ủy thác.

Điều 11. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Trên cơ sở nguồn vốn bố trí hằng năm ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và nhu cầu vốn vay của đối tượng thụ hưởng các chính sách theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân

hàng Chính sách xã hội tỉnh theo thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch vốn theo từng chương trình tín dụng đến cấp xã để thực hiện.

2. Sở Tài chính

a) Báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan quản lý Chương trình.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro theo quy định tại khoản 1, Điều 9 quy chế này.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát tình hình quản lý nguồn vốn, sử dụng cho vay bằng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

đ) Thẩm định, kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo Điều 8 quy chế này.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng vay vốn gồm các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan.

a) Trách nhiệm chung

Các Sở, ngành quản lý chương trình phối hợp với chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các địa phương rà soát nhu cầu vốn giai đoạn và hàng năm, tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện.

Phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách tín dụng theo lĩnh vực phân công phụ trách, đơn đốc kiểm tra giám sát đánh giá kết quả thực hiện; tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro gửi chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro đối với khách hàng vay từ nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Tham mưu, triển khai xây dựng chính sách thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, duy trì gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở cho người nghèo, phát triển giáo dục... lồng ghép chính sách hỗ trợ tín dụng chính sách phù hợp với thực tiễn của địa phương theo lĩnh vực, thẩm quyền nhà nước có liên quan.

Lập phương án sử dụng số kinh phí quản lý nguồn kinh phí được phân bổ theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 8; gửi Sở Tài chính rà soát làm căn cứ thanh quyết toán theo quy định.

Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra tình hình thực hiện và kết quả sử dụng vốn ủy thác, thẩm định hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro.

b) Nhiệm vụ quản lý chương trình

Sở Nội vụ chủ trì và phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai chính sách tín dụng cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và các hướng dẫn có liên quan.

Sở Xây dựng chủ trì và phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai chính sách tín dụng cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, các Nghị định sửa đổi và các hướng dẫn có liên quan.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan liên quan tham mưu, triển khai xây dựng chuẩn nghèo đa chiều áp dụng trên địa bàn tỉnh, chính sách khuyến khích phát triển lâm nghiệp bền vững, các chính sách thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo, xây dựng nông mới... và các quy định, hướng dẫn theo lĩnh vực, thẩm quyền nhà nước có liên quan lồng ghép với hoạt động hỗ trợ tín dụng chính sách.

Công an tỉnh chủ trì và phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ đạo, triển khai chính sách tín dụng cho vay hỗ trợ người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách tín dụng đặc thù liên quan, bố trí lực lượng đảm bảo an ninh trật tự an toàn cho hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và người dân tham gia giao dịch tại điểm giao dịch... và các quy định, hướng dẫn theo lĩnh vực, thẩm quyền nhà nước có liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì và phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và các chính sách tín dụng khác thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn có liên quan.

Các cơ quan, ban ngành theo chức năng quản lý nhà nước phụ trách các chương trình mục tiêu, đề án, dự án có liên quan đến phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai thực hiện đồng bộ, đúng quy định tại Quy chế này, các chương trình kế hoạch nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật hiện hành.

4. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Thực hiện ký Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính; Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại quy chế này.

b) Tổ chức thực hiện quản lý nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, cho vay đúng quy định, đúng kế hoạch được phê duyệt, đảm bảo sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn được ủy thác.

c) Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn ủy thác giai đoạn và hàng năm cho các đối tượng vay gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

d) Tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phân bổ, giao, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được giao từ nguồn ngân sách tỉnh ủy thác cho các xã, phường, đặc khu và giữa các chương trình tín dụng chính sách trên cơ sở tình hình thực tế, nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, đảm bảo phù hợp, tránh tồn đọng, lãng phí vốn.

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

e) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

f) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đảm bảo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

g) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác.

h) Thực hiện hạch toán, theo dõi cho vay, trích lập, phân phối và sử dụng tiền lãi theo quy định tại Điều 8 quy chế này.

i) Phối hợp với cơ quan liên quan, rà soát, tổng hợp danh sách, tập thể và cá nhân có thành tích trong triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội trình Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh phê duyệt khen thưởng.

k) Chỉ đạo Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội trực thuộc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay. Kiểm tra trách nhiệm thực hiện cho vay vốn của Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản Liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.

6. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 6

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động cho vay từ nguồn vốn ngân sách ủy thác đối với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra tình hình thực hiện và kết quả sử dụng nguồn vốn ủy thác.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Chịu trách nhiệm việc xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay quy định tại Quy chế này. Hàng năm rà soát nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các sở ngành liên quan tổng hợp báo cáo.

b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; xử lý các trường hợp nợ chây ỳ. Hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, kiểm tra, phúc tra, xác nhận hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Chỉ đạo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí hoạt động đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

Điều 13. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương đã ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tiếp tục theo dõi và quản lý cho vay.

2. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập theo Quy định tại Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh được tiếp tục theo dõi và quản lý sử dụng.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc thì các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng vay vốn để phối hợp nghiên cứu, tổng hợp, thống nhất báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, hiệu quả./.